

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Phúc

2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thao C, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang; Tạm trú: ấp A, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Trần Văn Q, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thao C trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Trần Văn Q kết hôn năm 2012, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 29/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Q ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu chửi mắng bà nên ông bà luôn bất hòa, cuộc sống

hôn nhân không còn được hạnh phúc. Từ tháng 01/2021 bà về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông Q nên yêu cầu được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: có hai con chung tên Trần Ngọc Đ, sinh ngày 11/07/2013 và Trần Nhã A, sinh ngày 12/01/2018. Hiện hai con chung đang do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà Cúc đồng ý để ông Q được quyền nuôi con chung, bà không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- * Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Trần Văn Q nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- * Tòa án đã tiến hành lấy lời khai cháu Trần Ngọc Đ để ghi nhận nguyện vọng của cháu nhưng cháu Đầy không có mặt tại nhà vào thời điểm lấy lời khai nên Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng của cháu Đầy.

- * Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thao C có đơn xin xét xử vắng mặt, không có văn bản thay đổi yêu cầu khởi kiện.

- Ông Trần Văn Q vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- + Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà Nguyễn Thao C được quyền ly ông Trần Văn Q, ông Q được quyền nuôi hai con chung tên Trần Ngọc Đ, sinh ngày 11/07/2013 và Trần Nhã A, sinh ngày 12/01/2018, bà Cúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thao C và ông Trần Văn Q là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 04/4/2023 của Công an xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang xác định ông Trần Văn Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: nguyên đơn bà Nguyễn Thao C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn Q đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: bà Nguyễn Thao C và ông Trần Văn Q kết hôn năm 2012, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 29/08/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Nguyễn Thao C và ông Trần Văn Q được đoàn tụ, nhưng bà Nguyễn Thao C cương quyết ly hôn, ông Trần Văn Q đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thao C, điều này chứng tỏ ông Trần Văn Q cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với bà Nguyễn Thao C. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thao C.

2.2 Về con chung: bà Nguyễn Thao C và ông Trần Văn Q có hai con chung tên Trần Ngọc Đ, sinh ngày 11/7/2013 và Trần Nhã A, sinh ngày 12/01/2018, hiện con chung đang do ông Trần Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thao C đồng ý để ông Q được quyền nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay hai cháu Trần Ngọc Đ và Trần Nhã A còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bà Nguyễn Thao C để ông Q được quyền nuôi con chung.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Trần Văn Q không có văn bản yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của bà Nguyễn Thao C.

2.4 Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.5 Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thao C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia

đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thao C.

1. *Về hôn nhân*: bà Nguyễn Thao C được ly hôn ông Trần Văn Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 195 ngày 29/8/2012 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung*: Ông Trần Văn Q được quyền nuôi con chung tên Trần Ngọc Đ, sinh ngày 11/7/2013 và Trần Nhã A, sinh ngày 12/01/2018.

Bà Nguyễn Thao C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí sơ thẩm*: bà Nguyễn Thao C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003857 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. *Quyền kháng cáo*: bà Nguyễn Thao C và ông Trần Văn Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Phúc